

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Ph**

Bản án số: 21/2022/HSST

Ngày: 31-03-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Đức và ông Nguyễn Đăng Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 114/2021/TLST-HS ngày 03/12/2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HS ngày 18/03/2022 đối với các bị cáo sau:

1. Nguyễn Đình Q. Sinh ngày 25/4/1985, tại Phú L, Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKKHKT: thôn Thủy C, xã Lộc Th, huyện Phú L, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở: Làng D, xã IO, huyện IG, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Lê Thị H, có 01 con sinh năm 2014; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Vi Văn S. Sinh ngày 18/9/1992, tại Quan S, Thanh Hóa. Nơi thường trú: thôn 8, xã ID, huyện IHD, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn N và bà Lương Thị Ph; có vợ là Trần Thị L, có 01 con sinh năm 2011; tiền án: Không, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/02/2015 phạm tội Cố ý gây thương tích. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2016/HSST ngày 04/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, tỉnh Bình Định xử phạt 03 tháng tù giam. (Đã xóa án tích).

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

Anh Hoàng Văn P, sinh năm 2001. Vắng mặt

Trú tại: thôn Th, thị trấn IK, huyện IG, tỉnh Gia Lai

Anh Lê Hùng V, sinh năm 1979. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Nguyễn Đình Q xuất cảnh sang Campuchia và làm việc cho Công ty Duy Tân tại xã Tà Bớt, huyện Tà Keo, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia rồi quen biết đối tượng tên D1 (khoảng 50 tuổi, người Campuchia gốc Việt Nam, trú tại thị trấn Dun Mía, huyện Dun Mía, tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia). Đến cuối năm 2019, Nguyễn Đình Q và D1 mua bán cá tại khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia, gần chốt 713 thuộc Đồn Biên phòng Sa Thầy, huyện IHD, tỉnh Kon Tum.

Vào khoảng tháng 9 năm 2020, do dịch Covid-19 nên đường cửa khẩu bị đóng, không lưu thông, thời gian này có một số người dân Việt Nam đang làm việc tại Campuchia có nhu cầu về nước, nên D1 nảy sinh ý định và thống nhất với Q là đưa người Việt Nam đang ở Campuchia về Việt Nam và ngược lại bằng đường mòn lỏi mở để thu lợi, Q đồng ý.

Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, Q, D1 và Vi Văn S đã 04 lần tổ chức đưa người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép tại khu vực biên giới Việt Nam – Campuchia. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 9 năm 2020, D1 chở một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ, khoảng 40 tuổi) từ Campuchia đến địa điểm mua bán cá ở khu vực biên giới, D1 giao cho Nguyễn Đình Q đón và chở về Việt Nam theo tuyến đường đất hướng ra Quốc lộ 14C thuộc xã Ia Toi, huyện IHD, tỉnh Kon Tum, sau đó đi theo Quốc lộ 14C đến khu vực chợ Sê San, xã IO, huyện IG, tỉnh Gia Lai. D1 và Q, mỗi người lấy của người đàn ông này 1.500.000 đồng.

Lần thứ 2: Vào khoảng tháng 10 năm 2020, D1 nhờ người cháu tên Th1 (người Campuchia, khoảng 30 tuổi, buôn bán cá ở chợ Ban Lung - Campuchia) chở Hoàng Văn P (sinh năm 2001, trú tại thôn Thắng Trạch 2, thị trấn Ia Kha, huyện IG, tỉnh Gia Lai) từ nhà D1 ở Campuchia đến địa điểm mua bán cá của Q và D1, Th1 giao Ph cho Nguyễn Đình Q đón, chở về Việt Nam theo tuyến đường đất hướng ra Quốc lộ 14C đến khu vực chợ Sê San, xã IO, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Hoàng Văn P trả cho Q 100 USD và 100.000 Ria (khoảng 2.900.000 đồng). Ngày hôm sau, Q chia số tiền trên cho D1 1.500.000 đồng, Q thu lợi 1.400.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 11 năm 2020, D1 chở Lê Hùng V (sinh năm 1979) từ nhà D1 đến địa điểm mua bán cá của D1 và Q, rồi giao V cho Nguyễn Đình Q đón, chở về Việt Nam theo tuyến đường đất đi hướng ra Quốc lộ 14C thuộc xã IT, huyện IHD, tỉnh Kon Tum, tiếp tục đi theo tuyến Quốc lộ 14C đến khu vực chợ Sê San, xã IO, huyện IG, tỉnh Gia Lai. Lê Hùng V trả

cho Q 2.500.000 đồng. Ngày hôm sau, Q chia số tiền trên cho D1 1.500.000 đồng, Q thu lợi 1.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng tháng 11 năm 2020, Hoàng Văn P liên lạc với Q nhờ đưa sang Campuchia, Q đồng ý và thống nhất giá tiền công là 3.000.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, Ph đi xe từ nhà tại thôn Thắng Trạch 2, thị trấn Ia Kha, huyện IG đến khu vực chợ Sê San thuộc xã IO, huyện IG được Q ra đón đưa về nhà. Do bận việc nên Q gọi điện thoại cho Vi Văn S (Sinh ngày 25 tháng 4 năm 1985 trú tại thôn 8, xã ID, huyện IHD, tỉnh Kon Tum,) đến nhà Q chở Ph sang Campuchia để làm việc, S đồng ý. S đến nhà Q chở Ph đi theo tuyến Quốc lộ 14C vượt qua đường tuần tra biên giới gần khu vực chốt 713, thuộc Đồn Biên phòng Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. S gọi điện thoại báo cho Q biết sắp đến nơi và yêu cầu Q gọi người đến đón Ph, Q trả lời đã có người chờ sẵn tại điểm hẹn. S chở Ph đến điểm hẹn và giao Ph cho D1 chở sang Campuchia bằng đường tiểu ngạch rồi lấy 3.000.000 đồng. Đến sáng ngày hôm sau, S mang 3.000.000 đồng đến nhà đưa cho Q và được Q trả 1.000.000 đồng tiền công chở Ph xuất cảnh sang Campuchia.

Ngày 29/2/2021, qua công tác nắm địa bàn Công an huyện IG phát hiện Hoàng Văn P, từng đi làm ở Campuchia nhưng về không khai báo y tế, cách ly để phòng dịch, nên đã tiến hành lấy lời khai Ph thừa nhận thông qua Nguyễn Đình Q nên từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2020 Ph đã nhiều lần xuất cảnh, nhập cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia và từ Campuchia về Việt Nam.

Sau bốn lần tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép Nguyễn Đình Q thu lợi bất chính số tiền là 4.400.000 đồng; Vi Văn S giúp cho Q tổ chức xuất cảnh trái phép một lần thu lợi số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Đình Q đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.750.000 đồng; Vi Văn S nộp lại số tiền thu lợi bất là 1.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 136/CT-VKS-P1 ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Đình Q về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”, theo điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Vi Văn S về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”, theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

2. Về diễn biến phiên tòa:

* Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, thấy bị truy tố là đúng tội. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Q phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”; Bị cáo Vi Văn S phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 17 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q mức hình phạt từ 5 đến 6 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 17 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vi Văn S mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Q còn phải nộp thêm số tiền 650.000 đồng thu lợi bất chính, bị cáo S đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hoạt động của các cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng hiện hành; các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Do dịch Covid-19 đường cửa khẩu giữa Việt Nam và Campuchia bị đóng nên người dân hai nước không qua lại được, thấy nhu cầu của một số người Việt Nam đang làm việc tại Campuchia muốn về nước nên D1 (người Campuchia gốc Việt Nam) đã bàn bạc với Nguyễn Đình Q đưa người Việt Nam đang ở Campuchia về Việt Nam và ngược lại bằng đường mòn lỏi mở để thu lợi.

Trong thời gian từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020 Nguyễn Đình Q, D1 và Vi Văn S đã 04 lần tổ chức xuất nhập cảnh trái phép gồm: Q và D1 03 lần tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép; Q, D1 và S 01 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. D1 thu lợi 4.400.000 đồng, Q thu lợi 4.400.000 đồng, S thu lợi 1.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Q về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Truy tố bị cáo Vi Văn S về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Đối với D1 và các cá nhân có liên quan là người Campuchia, hiện đang sống trên lãnh thổ Campuchia nên chưa thể điều tra, xử lý trong vụ án.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo Q là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo S là nghiêm trọng. Các bị cáo đều nhận thức được việc lén lút đưa người khác xuất, nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ thu lợi bất chính nên thực hiện, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, ảnh hưởng xấu đến an ninh khu vực biên giới.

Bị cáo Q phạm tội với vai trò là người tổ chức và thực hành, bị cáo

S phạm tội với vai trò là người thực hành. Trong đó bị cáo Q đã 04 lần tổ chức cho người khác xuất, nhập cảnh trái phép, bị cáo S 01 lần tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép nên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Q nguy hiểm hơn bị cáo S.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Sau khi phạm tội các bị cáo đều ra đầu thú, nộp lại tiền thu lợi bất chính, bị cáo Q từng thực hiện nghĩa vụ Q sự nên đều được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Q. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Q và bị cáo S đều đầu thú và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đã được áp dụng. Ngoài bị cáo Q và S thì còn nhiều người khác có liên quan đến vụ án chưa thể xem xét, không có căn cứ cho rằng bị cáo Q đã tích cực giúp cơ quan tố tụng trong việc phát hiện tội phạm nào hay trong quá trình giải quyết vụ án này. Do đó, đề nghị này không được chấp nhận.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Q có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo S có nhân thân xấu từng bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo mức án tương xứng, trong khung hình phạt và buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về biện pháp tư pháp: Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính: bị cáo Q phải nộp 4.400.000 đồng, bị cáo đã nộp 3.750.000 đồng, còn phải nộp 650.000 đồng; bị cáo S phải nộp 1.000.000 đồng, bị cáo đã nộp đủ.

[5] Về vật chứng: Sung vào Ngân sách nhà nước số tiền bị cáo Q đã nộp 3.750.000 đồng, bị cáo S đã nộp 1.000.000 đồng.

[6] Những vấn đề khác:

- Đối với Hoàng Văn P ngoài việc xuất cảnh, nhập cảnh tại khu vực biên giới tỉnh Gia Lai thì Ph cùng với Nguyễn Thành L, Đặng Văn B có hành vi xuất cảnh, nhập cảnh trái phép sang Campuchia tại khu vực tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên mục đích để đi làm kinh tế, các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này, do đó chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại Điều 347 Bộ luật hình sự. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Gia Lai đã ban hành công văn đề nghị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Gia Lai ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng này theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP là đúng quy định.

- Đối với các đối tượng tổ chức cho Ph, L, B xuất cảnh trái phép sang Campuchia ở tỉnh Bình Phước, quá trình điều tra không xác định được đối tượng tổ chức, do đó Cơ quan An ninh điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Q phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép”; Bị cáo Vi Văn S phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q **6** (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/4/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vi Văn S **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự

Buộc bị cáo Nguyễn Đình Q nộp số tiền 4.400.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước, bị cáo đã nộp 3.750.000 đồng, bị cáo còn phải nộp 650.000 đồng.

Buộc bị cáo Vi Văn S nộp số tiền 1.000.000 đồng sung vào Ngân sách nhà nước, bị cáo đã nộp đủ.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

Sung vào ngân sách nhà nước số tiền 4.750.000 đồng các bị cáo đã nộp.

Theo biên bản giao nhận vật chứng số 19/2022 lập ngày 02/12/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Đình Q và Vi Văn S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử Ph thẩm. /.

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- TAND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; T20
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Hồng